

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME COMMERCIAL JOINT STOCK BANK



ĐIỀU LỆ

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Maritime Bank được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này đã được thông qua tại phiên họp thường niên lần thứ 26 của Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank, tổ chức vào ngày 30/5/2018 tại Hà Nội, bao gồm 21 Chương, 96 Điều và thay thế Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã được xác nhận đăng ký tại Công văn số 9447/NHNN-TTGSNH ngày 09/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

1. **“Maritime Bank”** có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam.
2. **“Thời hạn hoạt động”** có nghĩa là thời gian Maritime Bank được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Maritime Bank có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.
3. **“Vốn điều lệ”** là vốn đã được các Cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ Maritime Bank¹.
4. **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Maritime Bank².
5. **“Cổ đông sáng lập”** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Maritime Bank³.
6. **“Cổ đông lớn”** là Cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Maritime Bank⁴.
7. **“Sổ đăng ký Cổ đông”** là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật⁵.
8. **“Cổ phần”** là Vốn điều lệ của Maritime Bank được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng.

¹ Điểm a, Khoản 1, Điều 29 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN về Cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của Ngân hàng thương mại, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là Thông tư 40/2011/TT-NHNN)

² Khoản 2 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 (sau đây gọi tắt là Luật DN 2014)

³ Khoản 2 Điều 4 Luật DN 2014

⁴ Khoản 26 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2010 đã được sửa đổi bổ sung (sau đây gọi tắt là Luật CTCTD 2010)

⁵ Khoản 1 Điều 121 Luật DN 2014.

9. **“Cổ phiếu”** là chứng chỉ do Maritime Bank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Maritime Bank. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật. Cổ phiếu của Maritime Bank có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này⁶.
10. **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Maritime Bank sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.⁷
11. **“Công ty con” của Maritime Bank** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây⁸:
- a) Maritime Bank hoặc Maritime Bank và người có liên quan của Maritime Bank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
 - b) Maritime Bank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
 - c) Maritime Bank có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;
 - d) Maritime Bank và người có liên quan của Maritime Bank trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
12. **“Công ty liên kết”** của Maritime Bank là công ty trong đó Maritime Bank hoặc Maritime Bank và người có liên quan của Maritime Bank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Maritime Bank⁹.
13. **“Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị”** là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này.
14. **“Người quản lý Maritime Bank”** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
15. **“Người điều hành Maritime Bank”** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương (nếu có).
16. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân đó thuộc một trong các trường hợp sau đây¹⁰:
- a) Người có liên quan của một tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng) gồm các trường hợp sau đây:
 - i. Công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng là công ty mẹ (sau đây gọi là tổ chức tín dụng mẹ) của tổ chức đó;
 - ii. Công ty con của tổ chức đó;
 - iii. Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng tổ chức tín dụng mẹ của tổ chức đó;
 - iv. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng mẹ của tổ chức đó;
 - v. Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban

⁶ Khoản 1 Điều 120 Luật DN 2014

⁷ Khoản 3 Điều 4 Luật DN 2014

⁸ Khoản 30 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng 2010

⁹ Khoản 29 Điều 4 Luật CTCTC 2010

¹⁰ Kết hợp giữa Luật các TCTD 2010 và Khoản 15 Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-NHNN Quy định các giới hạn và tỷ lệ an toàn trong hoạt động của TCTD, Chi nhánh NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là TT 36/2014/TT-NHNN)

kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ của tổ chức đó;

- vi. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức đó;
 - vii. Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức đó;
 - viii. Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức đó;
 - ix. Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại tổ chức đó;
 - x. Cá nhân được ủy quyền đại diện phân vốn góp, cổ phần cho tổ chức đó;
 - xi. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà tổ chức đó sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;
 - xii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà tổ chức đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty, tổ chức tín dụng;
 - xiii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà tổ chức đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty mẹ của công ty hoặc tổ chức tín dụng này;
 - xiv. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể¹¹.
- b) Người có liên quan của một cá nhân gồm các trường hợp sau đây:
- i. Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể); bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của cá nhân đó;
 - ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cá nhân đó sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;
 - iii. Công ty con mà cá nhân đó là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ;
 - iv. Công ty con mà cá nhân đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ;
 - v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cá nhân đó là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát;
 - vi. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cá nhân đó là vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành

¹¹ Điểm g Khoản 28 Điều 4 Luật CTCTD

viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó;

vii. Tổ chức, cá nhân ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho cá nhân đó;

viii. Cá nhân cùng với cá nhân đó được một tổ chức ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần tại một tổ chức khác;

ix. Cá nhân được cá nhân đó ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần.

17. **“Tổ chức lại”** là việc tổ chức tín dụng bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý.

18. **“NHNN”** là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

19. **“TCTD”** là chữ viết tắt của Tổ chức tín dụng.

20. **“Pháp luật”** có nghĩa là hiến pháp, các luật, pháp lệnh, lệnh, nghị định, nghị quyết, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ.

21. **“Luật Các tổ chức tín dụng”** có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16-06-2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20-11-2017 (hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).

22. **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0001/NH-GP ngày 08/6/1991 do NHNN cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần đăng ký lần đầu ngày 01/07/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam;
2. Tên đầy đủ là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam;
 - a) Tên viết tắt bằng tiếng Việt là Ngân hàng Hàng Hải hoặc NHHH.
 - b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank.
 - c) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Maritime Bank hoặc MSB.
3. Trụ sở chính: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - a) Điện thoại : 024 - 37718989.
 - b) Fax : 024 - 37718899.

- c) Email : msb@msb.com.vn
d) Website : www.msb.com.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank:

- a) Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank là Tổng Giám đốc.
- b) Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank phải cư trú tại Việt Nam. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam, Người đại diện theo pháp luật phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của Maritime Bank đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian vắng mặt¹².
- c) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank vẫn vắng mặt và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank trở lại làm việc tại Maritime Bank hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank.¹³
- d) Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Maritime Bank¹⁴.
- e) Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

5. Danh sách Cổ đông sáng lập:

- Công ty Vận tải biển Việt Nam: Số 215 Trần Quốc Toàn, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Q. Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Tập đoàn Bảo Việt: Số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- Cảng Hải Phòng: Số 4, đường Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Cục Hàng không Dân dụng: Số 119 Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

6. Các Chi nhánh: Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về các Chi nhánh, Phòng Giao dịch được quy định tại các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quyết định của NHNN ban hành sau thời điểm Điều lệ này được thông qua.

Maritime Bank sẽ thành lập Chi nhánh tại các tỉnh, thành phố khác khi được các cơ quan có thẩm quyền và NHNN cho phép theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

7. Vốn điều lệ của Maritime Bank tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: 11.750.000.000.000 đồng, bằng chữ: Mười một nghìn bảy trăm năm mươi tỷ đồng chẵn. Tổng số vốn điều lệ của Maritime Bank được chia thành: 1.175.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

¹² Khoản 2 Điều 12 Luật CTCTD 2010.

¹³ Khoản 4 Điều 13 Luật DN 2014

¹⁴ Khoản 5 Điều 13 Luật DN 2014

8. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
9. Bảng cân đối kế toán và các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Maritime Bank có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của Maritime Bank là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng.... được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Maritime Bank, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy phép nghiệp vụ cụ thể tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng theo đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra.
2. Mục tiêu của Maritime Bank là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam với chất lượng dịch vụ hoàn hảo dựa trên hệ thống công nghệ hiện đại, lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn cao, phương châm kinh doanh bền vững, an toàn và hiệu quả.

Điều 5. Nội dung hoạt động¹⁵

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác,
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - e) Bao thanh toán trong nước;
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5. Mở tài khoản:
 - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

¹⁵ Phụ lục 01A Thông tư số 17/2017 ngày 20/11/2017 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư 40/2011/TT-NHNN).

7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
17. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.
18. Lưu ký chứng khoán.
19. Kinh doanh vàng miếng.
20. Ví điện tử.
21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ..
23. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn¹⁶

1. Maritime Bank chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 7 Điều này và tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động góp vốn, mua cổ phần.
2. Maritime Bank phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. Maritime Bank được thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong

¹⁶ Điều 103 Luật CTCTD 2010 và Điều 7 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD

lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. Maritime Bank được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.
5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của Maritime Bank theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.
6. Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. Maritime Bank, công ty con của Maritime Bank được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.
8. Trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Điều lệ này, Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị của Maritime Bank quyết định hoặc Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc Maritime Bank quyết định việc góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu tại Điều này theo quy định của pháp luật¹⁷.
9. Maritime Bank không được mua cổ phần, góp vốn của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là Cổ đông, thành viên góp vốn của Maritime Bank¹⁸.
10. Việc chuyển nhượng và phương án chuyển nhượng phần vốn góp của Maritime Bank theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, Maritime Bank phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản “Có” và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 8. Vốn điều lệ của Maritime Bank¹⁹

1. Vốn điều lệ là vốn đã được các Cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ này của Maritime Bank.
2. Vốn điều lệ của Maritime Bank có thể được tăng từ các nguồn sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng; phát hành cổ phiếu riêng lẻ;

¹⁷ Khoản 7 Điều 34 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD

¹⁸ Khoản 5 Điều 129 Luật CTCTD 2010

¹⁹ Khoản 1, Điều 29 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN

- c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - d) Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm;
 - e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ của Maritime Bank được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
4. Trong quá trình hoạt động, Maritime Bank phải đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, Maritime Bank phải công bố công khai số vốn điều lệ mới²⁰.

Điều 9. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ của Maritime Bank phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Văn bản chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ của Maritime Bank có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được NHNN chấp thuận, văn bản trên hết hiệu lực pháp lý.²¹
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
3. Sau khi đã hoàn tất việc thay đổi mức Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, Maritime Bank phải có văn bản báo cáo NHNN (qua cơ quan thanh tra, giám sát) về kết quả thực hiện thay đổi mức vốn điều lệ, đính kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mức vốn điều lệ mới kèm theo Danh sách Cổ đông, đồng thời gửi NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Maritime Bank đặt trụ sở chính toàn bộ các văn bản này.²²

Điều 10. Vốn hoạt động của Maritime Bank²³

1. Vốn chủ sở hữu:
 - a) Vốn điều lệ;
 - b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;
 - c) Thặng dư vốn cổ phần;
 - d) Các quỹ: quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
 - e) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
 - f) Vốn khác thuộc sở hữu của Maritime Bank.
2. Vốn huy động:
 - a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân; vốn huy động thông qua phát hành các loại giấy tờ có giá;
 - b) Vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong và ngoài nước;
 - c) Vốn vay NHNN;
 - d) Vốn nhận ủy thác đầu tư;

²⁰ Điều 5 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD

²¹ Khoản 1 Điều 25 Thông tư 06/2010/TT-NHNN

²² Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN

²³ Điều 4 Nghị định 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD

3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sử dụng vốn, tài sản²⁴

1. Maritime Bank được sử dụng vốn hoạt động để kinh doanh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.
2. Maritime Bank được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
3. Maritime Bank được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán, đồng thời phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
4. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty thành viên độc lập của Maritime Bank được thực hiện theo quy định của Maritime Bank.

Điều 12. Bảo đảm an toàn vốn²⁵

1. Maritime Bank phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
 - a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;
 - c) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;
 - d) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - e) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;
 - f) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.
2. Khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia, Maritime Bank phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của Maritime Bank đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của Maritime Bank dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.

CHƯƠNG V

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU

Điều 13. Các loại cổ phần²⁶

1. Maritime Bank có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.
2. Maritime Bank có thể có cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng và chỉ được trả khi tổ chức tín

²⁴ Điều 6 Nghị định 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD

²⁵ Điều 130 Luật CTCTD 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung 2017

²⁶ Điều 52 Luật CTCTD 2010

dụng có lãi. Trường hợp Maritime Bank kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của Maritime Bank.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành của Maritime Bank không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Maritime Bank phát hành. Người được mua và số lượng cổ phần ưu đãi cổ tức được mua do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
4. Maritime Bank luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.
5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của Maritime Bank theo quy định của pháp luật²⁷.

Điều 14. Tỷ lệ sở hữu cổ phần²⁸

1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của Maritime Bank.
2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Maritime Bank, trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại Maritime Bank được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của Maritime Bank tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng;
 - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% vốn điều lệ của Maritime Bank, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều này.

Điều 15. Cổ phiếu²⁹

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Maritime Bank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Maritime Bank.
2. Nội dung cổ phiếu do Maritime Bank phát hành (nếu có) và các trường hợp xử lý sai sót, sự cố liên quan đến cổ phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

²⁷ Nghị định số 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD

²⁸ Điều 55 Luật CTCTD 2010

²⁹ Điều 120 Luật DN 2014

Điều 16. Chào bán cổ phần³⁰

1. Chào bán cổ phần là việc Maritime Bank tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
 - b) Chào bán ra công chúng;
 - c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Việc chào bán cổ phần được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Maritime Bank thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
5. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán.

Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần³¹

1. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Maritime Bank không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Trường hợp chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành Cổ đông thường và ngược lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi thực hiện³².

Điều 18. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông³³

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Maritime Bank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Maritime Bank có quyền yêu cầu Maritime Bank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Maritime Bank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Maritime Bank trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

³⁰ Điều 122 Luật DN 2014

³¹ Điều 56 Luật CTCTD 2010

³² Điểm d, khoản 1, Điều 29 Luật CTCTD 2010

³³ Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2014

2. Maritime Bank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá do Hội đồng Quản trị quyết định trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Maritime Bank giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp đề Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo quyết định của Maritime Bank³⁴

Maritime Bank có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Đại hội đồng Cổ đông có quyền quyết định mua lại.
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Maritime Bank và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. Maritime Bank có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Maritime Bank phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Maritime Bank, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Maritime Bank.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Maritime Bank trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Maritime Bank chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại³⁵

1. Ngoài các hạn chế khác đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, Maritime Bank chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Maritime Bank thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Maritime Bank.

Điều 21. Phát hành trái phiếu³⁶

Maritime Bank có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu

³⁴ Điều 130 Luật Doanh nghiệp 2014

³⁵ Điều 131 Luật Doanh nghiệp 2014; Điều 57 Luật CTCTD 2010

³⁶ Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2014;

khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý³⁷

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Maritime Bank bao gồm:
 - a) Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Hội đồng Quản trị;
 - c) Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc;
 - e) Bộ máy giúp việc.
2. Hội đồng Quản trị phải quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Maritime Bank trong từng thời kỳ.
3. Maritime Bank phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt³⁸.

CHƯƠNG VII

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23. Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông³⁹

1. Maritime Bank phải lập và lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký Cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Maritime Bank;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của Maritime Bank hoặc Trung tâm lưu ký chứng

³⁷ Điều 14 Nghị định số 59/2009/NĐ-CP

³⁸ Điều 7 Nghị định số 59/2009/NĐ-CP

³⁹ Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2014; Điều 33 Nghị định số 59/2009/NĐ-CP

khoản.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Maritime Bank để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Maritime Bank không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ đông.
5. Xác lập danh sách Cổ đông:
 - a) Maritime Bank quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông và phải đảm bảo Cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với Maritime Bank trước thời điểm nói trên;
 - b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của Cổ đông.

Điều 24. Quyền của Cổ đông⁴⁰

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:⁴¹
 - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Maritime Bank;
 - d) Được chuyển nhượng cổ phần cho Cổ đông khác của Maritime Bank hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại cổ phần cho Maritime Bank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Maritime Bank, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - g) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Maritime Bank khi Maritime Bank giải thể hoặc phá sản sau khi Maritime Bank đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - i) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có thêm các quyền sau đây:
 - a) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo tỷ lệ như sau: ⁴²
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

⁴⁰ Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014; Điều 53 Luật CTCTD 2010;

⁴¹ Điều 53 Luật CTCTD 2010

⁴² Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014

- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.
 - Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà cổ đông được quyền đề cử theo Điều lệ này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát đề cử. Thủ tục đề cử được thực hiện theo Điều 40 Điều lệ này và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ⁴³.
- b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
- c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
- d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Maritime Bank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký công doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Maritime Bank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (nếu có).
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.
4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Maritime Bank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo

⁴³ Điều 114 Luật Doanh nghiệp và Thông tư 06/2010 của NHNN

yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:

- a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại Điều lệ này;
- b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Maritime Bank, sau khi Maritime Bank đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Maritime Bank giải thể hoặc phá sản;
- c) Các quyền khác như Cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

6. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Maritime Bank trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, số và ngày quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch của cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại Maritime Bank;
- c) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
- e) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
- f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông⁴⁴.

Điều 25. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông Maritime Bank⁴⁵

1. Cổ đông của Maritime Bank phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- b) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Maritime Bank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Maritime Bank trong phạm vi số vốn đã góp vào Maritime Bank;
- c) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Maritime Bank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Maritime Bank. Cổ đông có thể được Maritime Bank hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Maritime Bank trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Maritime Bank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng,

⁴⁴ Khoản 4 Điều 15 Luật DN 2014

⁴⁵ Điều 54 Luật CTCTD 2010; Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2014

chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Maritime Bank; không được góp vốn, mua cổ phần của Maritime Bank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

- e) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Maritime Bank;
 - f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - h) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Maritime Bank dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Maritime Bank.
 - i) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp Maritime Bank phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần, Maritime Bank có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này⁴⁶.

Điều 26. Đại hội đồng Cổ đông⁴⁷

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Maritime Bank. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
2. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.⁴⁸
3. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
4. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Maritime Bank;
 - b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Maritime Bank;
 - c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Maritime Bank;
 - e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

⁴⁶ Khoản 2 Điều 54 Luật CTCTD 2010

⁴⁷ Điều 135, 136 Luật DN 2014; Điều 59 Luật CTCTD 2010

- f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Maritime Bank và Cổ đông của Maritime Bank;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Maritime Bank;
 - h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Maritime Bank;
 - l) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - m) Quyết định thành lập công ty con;
 - n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Maritime Bank có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Maritime Bank với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn của Maritime Bank; công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank;
 - q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Maritime Bank;
 - r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Maritime Bank;
 - s) Thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xây dựng Quy chế Tài chính của Maritime Bank;⁴⁹
 - t) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.
5. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 4 Điều này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.
6. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 27. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁰

- 1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này và triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Maritime Bank;

⁴⁹ Điều 28 Nghị định số 93/2018

⁵⁰ Khoản 1 Điều 59 Luật CTCTD 2010; Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014; CV 324/NHNN-TTGSNH

- b) Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này;
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e) Theo yêu cầu của NHNN.⁵¹
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn tối thiểu là 40 ngày⁵², kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.
- Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Maritime Bank.
3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
- Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Maritime Bank.
4. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
- Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
5. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này sẽ được Maritime Bank hoàn lại.

Điều 28. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁵³

- 1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của Maritime Bank. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong tối thiểu 20 ngày⁵⁴ trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ

⁵¹ Điều 60 Luật CTCTD 2010

⁵² Theo Công văn số 324/NHNN-TTGSTD ngày 18-1-2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung

⁵³ Điều 137 Luật DN 2014

⁵⁴ Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi (bao gồm cả gửi qua thư điện tử - email của cổ đông⁵⁵ hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Maritime Bank có website, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Maritime Bank đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Maritime Bank; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông, thời gian chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông và những nội dung khác.

Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁶

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Maritime Bank chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại Maritime Bank, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

⁵⁵ Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 30-5-2018.

⁵⁶ Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2014

5. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 30. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁷

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của Maritime Bank, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Maritime Bank đóng trụ sở chính.

Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển trực tiếp có xác nhận hoặc gửi qua thư điện tử - email của cổ đông hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Maritime Bank bằng văn bản về địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Maritime Bank, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín và gửi trực tiếp tại nơi làm việc.

2. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất 10 ngày⁵⁸ trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi, bao gồm cả gửi bằng thư điện tử - email của cổ đông hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Maritime Bank có website, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Maritime Bank đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Maritime Bank; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
4. Kèm theo Thông báo mời họp phải có phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp và các tài liệu khác làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Trong trường hợp các tài liệu này không được gửi kèm Thông báo mời họp, Maritime Bank phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận tài liệu.

Điều 31. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁹

1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Maritime Bank và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

⁵⁷ Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2014,

⁵⁸ Khoản 1 Điều 139 Luật DN 2014

⁵⁹ Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2014

- a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - d) Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn cụ thể của Maritime Bank tại Điều lệ.

Điều 32. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông⁶⁰

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba phải được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- 4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này. Việc thay đổi nội dung chương trình họp phải được ít nhất 51% trên tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp đồng ý nhưng tối thiểu không được ít hơn 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Maritime Bank.

Điều 33. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông⁶¹

⁶⁰ Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014

⁶¹ Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông, Maritime Bank phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt trước giờ dự kiến khai mạc cuộc họp đăng ký hết.
2. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
3. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp, thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của cuộc họp trong số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản cuộc họp.
4. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
6. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp, (b) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp hoặc (c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của cuộc họp hoặc Thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.
10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
 - a) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - b) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Điều 34. Thẻ thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.⁶²
2. Đại hội đồng Cổ đông sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 người.
3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Maritime Bank sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Thẻ biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ phản đối nghị quyết và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản đối hoặc không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, phản đối và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp.
4. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:⁶³
 - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm **b, h, o và q** khoản 4 Điều 26 Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - c) Đối với các vấn đề quy định tại điểm **a, d, f và q** khoản 4 Điều 26 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
5. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 51% hoặc 65% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều này.
6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này và phải bảo đảm trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí thể lệ bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

⁶² Điểm a khoản 3 Điều 59 Luật CTCTD 2010; Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2014

⁶³ Điểm b, c khoản 3 Điều 59 Luật CTCTD 2010

7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
8. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông và Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua⁶⁴.

Điều 35. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁶⁵

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Maritime Bank, trừ các trường hợp quy định tại điểm a, d, f và q khoản 4 Điều 26 Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ đông hoặc gửi qua thư điện tử - email của cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Maritime Bank;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Maritime Bank phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Maritime Bank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Trường hợp Phiếu lấy ý kiến gửi về Maritime Bank qua fax hoặc thư điện tử thì các Phiếu này phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Maritime Bank sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban

⁶⁴ Khoản 5 Điều 144 Luật Doanh nghiệp

⁶⁵ Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014; Điều 59 Luật Các TCTD 2010

Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Maritime Bank. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc được đăng tải trên website của Maritime Bank.
7. Tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được gửi đến NHNN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.⁶⁶
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời hoặc gửi qua email, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank.

Điều 36. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông⁶⁷

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Maritime Bank. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;

⁶⁶ Điều 61 Luật CTCTD 2010

⁶⁷ Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014

- h) Các nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của Chủ toạ và Thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
 4. Chủ toạ và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank.

Điều 37. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.⁶⁸
2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi cổ đông sở hữu 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.⁶⁹
3. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Maritime Bank đặt trụ sở chính.⁷⁰
4. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.⁷¹

Điều 38. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁷²

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Các trường hợp có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank;
 - b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Maritime Bank.

⁶⁸ Khoản 1 Điều 148 Luật DN 2014

⁶⁹ Khoản 2 Điều 148 Luật DN 2014

⁷⁰ Điều 61 Luật CTCTD 2010

⁷¹ Khoản 3 Điều 148 Luật DN 2014

⁷² Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2014

CHƯƠNG VIII
QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn chung

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Maritime Bank, có toàn quyền nhân danh Maritime Bank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Maritime Bank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.⁷³
2. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Maritime Bank trong việc quản trị, điều hành Maritime Bank; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.⁷⁴
3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Maritime Bank, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Maritime Bank.⁷⁵

Điều 40. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc⁷⁶

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 40 ngày⁷⁷, Hội đồng Quản trị Maritime Bank phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN chậm nhất là 30 ngày⁷⁸ trước ngày tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.
3. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
4. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại khoản 2 Điều này. Maritime Bank có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.

⁷³ Khoản 1 Điều 43 Luật CTCTD 2010

⁷⁴ Khoản 1 Điều 45 Luật CTCTD 2010

⁷⁵ Khoản 2 Điều 48 Luật CTCTD 2010

⁷⁶ Điều 51 Luật CTCTD 2010; Điều 16 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN

⁷⁷ Công văn số 324/NHNN-TTGSNH

⁷⁸ Công văn số 324/NHNN-TTGSNH

6. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát, Maritime Bank phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên.⁷⁹
7. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bổ nhiệm.⁸⁰

Điều 41. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương⁸¹

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương:
 - a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Maritime Bank;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Maritime Bank;
 - g) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - h) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
 - i) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - j) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là

⁷⁹ Điều 51 Luật CTCTD 2010; Công văn số 324/NHNN-TTGSNH

⁸⁰ Khoản 1 Điều 48, Điều 51 Luật CTCTD 2010

⁸¹ Khoản 1 Điều 33 Luật CTCTD 2010 và Điều 18 Luật DN 2014

thành viên Ban kiểm soát của Maritime Bank;

- k) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng Giám đốc của Maritime Bank;
 - l) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với các hành vi vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng;
 - m) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - n) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của Maritime Bank.⁸²

Điều 42. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ⁸³

- 1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Maritime Bank:
 - a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Maritime Bank;
 - b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Maritime Bank hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng đó;
 - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Maritime Bank không được đồng thời là Người điều hành của Maritime Bank và của tổ chức tín dụng khác.
- 2. Thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Maritime Bank hoặc công ty con của Maritime Bank hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Maritime Bank là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là Cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại Maritime Bank;
 - c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.
- 3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Maritime Bank;
 - b) Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

⁸² Khoản 3 Điều 33 Luật TCTD 2010

⁸³ Điều 34 Luật TCTD 2010

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm⁸⁴

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 41 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên;
 - d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán⁸⁵;
 - e) Đối với thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 41 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
 - d) Không phải là người có liên quan của Người quản lý Maritime Bank;
 - e) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 41 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
 - d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương:

⁸⁴ Điều 50 Luật CTCTD 2010

⁸⁵ Khoản 1 Điều 50 Luật CTCTD 2017

a) Không thuộc đối tượng quy định dưới đây:

- Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
- Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
- Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
- Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này.

b) Đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc thì phải là người không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 41 Điều lệ này.

c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị⁸⁶

1. Không phải là người đang làm việc cho Maritime Bank hoặc công ty con của Maritime Bank hoặc đã làm việc cho Maritime Bank hoặc công ty con của Maritime Bank trong 03 năm liền kề trước đó;
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Maritime Bank ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của Maritime Bank, Người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của Maritime Bank hoặc công ty con của Maritime Bank;
4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Maritime Bank; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Maritime Bank;
5. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Maritime Bank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 45. Đương nhiên mất tư cách⁸⁷

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

⁸⁶ Khoản 2 Điều 50 Luật CTCTD 2010

⁸⁷ Điều 23 Nghị định số 59/2009/NĐ-CP

- b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 41 Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của Maritime Bank khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức;
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Khi Maritime Bank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Hội đồng Quản trị của Maritime Bank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b, c, d, e, g, khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
 3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Maritime Bank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
 4. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 5. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên tạm thời giữ chức làm Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm⁸⁸

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Maritime Bank bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:⁸⁹
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Maritime Bank;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 43 Điều lệ này;
 - e) Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập;
 - f) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc của Maritime Bank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.⁹⁰

⁸⁸ Điều 36 Luật CTCTD 2010; Điều 20 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN

⁸⁹ Khoản 1 Điều 36 Luật CTCTD 2010

⁹⁰ Khoản 2 Điều 36 Luật CTCTD 2010

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị của Maritime Bank phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.⁹¹
4. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
5. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên tạm thời giữ chức làm Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 47. Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp⁹²

1. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Điều lệ này và quy định của pháp luật, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động ngân hàng để đảm bảo ngân hàng hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, Giám sát và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh). Người được cử điều hành ngân hàng phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.
2. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.

Điều 48. Đình chỉ, tạm đình chỉ⁹³

1. Trường hợp Maritime Bank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành của Maritime Bank nếu xét thấy cần thiết.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành của Maritime Bank có thể bị NHNN đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ nhiệm vụ, quyền hạn khi vi phạm quy định tại Điều 34 Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; NHNN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Maritime Bank miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Maritime Bank hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 49. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát⁹⁴.

1. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban

⁹¹ Khoản 3 Điều 36 Luật CTCTD 2010

⁹² Áp dụng nguyên tắc nêu tại Điều 21 Thông tư số 06/2010/NHNN do Luật DN 2014 chưa có hướng dẫn cụ thể

⁹³ Điều 37 Luật CTCTD 2010

⁹⁴ Điều 158. Luật DN 2014

Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả và hiệu quả kinh doanh trong năm tài chính phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan⁹⁵

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Maritime Bank phải công khai với Maritime Bank các thông tin sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
 - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
4. Maritime Bank phải thông báo bằng văn bản cho NHNN các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Maritime Bank nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Maritime Bank đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Maritime Bank.

Điều 51. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành Maritime Bank⁹⁶

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Maritime Bank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Maritime Bank và Cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của Maritime Bank; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Maritime Bank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Maritime Bank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích

⁹⁵ Điều 39 Luật CTCTD 2010; Điều 159 Luật Doanh nghiệp 2014

⁹⁶ Điều 38 Luật CTCTD 2010

của Maritime Bank và Cổ đông.

4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Maritime Bank để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động Maritime Bank, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Maritime Bank.
6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Maritime Bank về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Maritime Bank và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình được cấp tín dụng, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của Maritime Bank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Maritime Bank.
8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Maritime Bank bị lỗ.
9. Các nghĩa vụ khác do theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 52. Tránh xung đột quyền lợi

1. Việc cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc cấp tín dụng cho các cán bộ quản lý, điều hành và những người liên quan của họ và pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính phải tuân theo quy định của pháp luật.
2. Các hợp đồng của Maritime Bank với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ; công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank chỉ được ký kết, nếu bảo đảm thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% Vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (hoặc tỷ lệ thấp hơn quy định trong Điều lệ này) thì phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, các Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết;⁹⁷
 - b) Đối với hợp đồng giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% Vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (hoặc tỷ lệ thấp hơn quy định trong Điều lệ này) thì phải được Hội đồng Quản trị thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.⁹⁸

Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Maritime Bank phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin⁹⁹.

3. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Maritime Bank phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Maritime Bank các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng đó.
4. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Maritime Bank phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Maritime Bank áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của

⁹⁷ Điểm q khoản 2 Điều 59 Luật CTCTD 2010

⁹⁸ Khoản 10 Điều 63 Luật CTCTD 2010

⁹⁹ Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71

Maritime Bank và gây tổn hại cho lợi ích của Maritime Bank thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Maritime Bank. Maritime Bank áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Maritime Bank¹⁰⁰.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Maritime Bank hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.¹⁰¹
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.¹⁰²

Điều 53. Trách nhiệm và bồi thường

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường cho những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

CHƯƠNG IX HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 54. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị¹⁰³

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của Maritime Bank, có toàn quyền nhân danh Maritime Bank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Maritime Bank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành Maritime Bank.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của Maritime Bank, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu là 05 thành viên thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Maritime Bank phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội

¹⁰⁰ Điều 25 Nghị định số 71

¹⁰¹ Điều 24 Nghị định số 71

¹⁰² Điều 25 Nghị định số 71

¹⁰³ Điều 43, Điều 62 Luật CTCTD 2010

đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập.¹⁰⁴
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Sau khi cổ phiếu Maritime Bank niêm yết, việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của Maritime Bank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
10. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
11. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.

Điều 55. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị¹⁰⁵

1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Maritime Bank.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Cử người đại diện vốn góp của Maritime Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Maritime Bank từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Maritime Bank quy định tại điểm o khoản 4 Điều 26 Điều lệ này.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này.
9. Thông qua các hợp đồng của Maritime Bank với công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank; các hợp đồng của Maritime Bank với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ có

¹⁰⁴ Khoản 2 Điều 16 Nghị định 59/2009/NĐ-CP

¹⁰⁵ Điều 63 Luật CTCTD 2010 và Khoản 2 và Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
11. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Maritime Bank phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Maritime Bank.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
14. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
15. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
16. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
17. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Maritime Bank.
18. Quyết định mua lại cổ phần của Maritime Bank.
19. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
20. Lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của Maritime Bank trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính¹⁰⁶.
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
24. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
25. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Maritime Bank.
26. Đảm bảo hoạt động của Maritime Bank tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Maritime Bank.
27. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công thường xuyên và/hoặc theo vụ việc của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 56. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị¹⁰⁷

¹⁰⁶ Khoản 1 Điều 42 Luật CTCTD 2010

¹⁰⁷ Điều 64 Luật CTCTD 2010

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
6. Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị¹⁰⁸

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Maritime Bank và Cổ đông.
2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành Maritime Bank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường.
4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
5. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
7. Có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Maritime Bank và của các đơn vị trong Maritime Bank.
8. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Maritime Bank.

¹⁰⁸ Điều 65 Luật CTCTD 2010

9. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng Quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Maritime Bank (nếu có).
10. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Maritime Bank theo quy định của pháp luật.
11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 58. Hợp Hội đồng Quản trị¹⁰⁹

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Maritime Bank hoặc ở nơi khác.
3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần kể cả dưới hình thức họp trực tuyến hoặc các hình thức khác mà pháp luật cho phép.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Maritime Bank, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
6. Maritime Bank có quyền ban hành quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác,

¹⁰⁹Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014 và Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP;

nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Maritime Bank.

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
10. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền dự họp và biểu quyết cho một người khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản bao gồm cả việc gửi qua fax hoặc thư điện tử. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ dự kiến khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
11. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
12. Biểu quyết:
 - a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Maritime Bank;
 - c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 2 Điều 52 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Maritime Bank và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán

thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người Chủ tọa cuộc họp.¹¹⁰

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
15. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.
16. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị¹¹¹

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các quyết định đã được thông qua;
 - i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
2. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
3. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
4. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
5. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Maritime Bank.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội

¹¹⁰ Khoản 6 Điều 49 Nghị định số 59/2009/NĐ-CP

¹¹¹ Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014;

dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

Điều 60. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Maritime Bank;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Maritime Bank;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về Maritime Bank theo quy định của Maritime Bank.
5. Thư ký Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Maritime Bank;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank.
9. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu đạt được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ

tịch Hội đồng Quản trị.

10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG X

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 61. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc¹¹²

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Maritime Bank, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Maritime Bank thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Maritime Bank.
2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động có thời hạn quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Bộ luật lao động, quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Lương, các khoản bồi thường (nếu có) và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông của Maritime Bank.
5. Giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.
6. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Maritime Bank theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
7. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Maritime Bank, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc¹¹³

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Maritime Bank.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
6. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Maritime Bank.

¹¹² Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2014

¹¹³ Điều 49 Luật CTCTD 2010; Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2014

7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Maritime Bank trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Maritime Bank, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
11. Ký kết hợp đồng nhân danh Maritime Bank theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Maritime Bank.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Maritime Bank;
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền.
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG XI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 63. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát¹¹⁴

1. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của Maritime Bank có từ 03 đến 05 thành viên trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách và phải thường trú ở Việt Nam¹¹⁵; không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Maritime Bank hoặc doanh nghiệp khác.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Maritime Bank, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Maritime Bank phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 64. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát¹¹⁶

¹¹⁴ Điều 44 Luật CTCTD 2010

¹¹⁵ Khoản 2 Điều 163 Luật DN 2014

¹¹⁶ Điều 45 Luật CTCTD 2010

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank trong quản trị, điều hành Maritime Bank; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Maritime Bank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Maritime Bank, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Maritime Bank khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện Người quản lý Maritime Bank có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
7. Lập danh sách Cổ đông sáng lập, Cổ đông lớn, những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Maritime Bank, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
8. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Maritime Bank và quy định của pháp luật.
9. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 65. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát¹¹⁷

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 64 Điều lệ này.
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

¹¹⁷ Điều 46 Luật CTCTD 2010

4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát¹¹⁸

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Maritime Bank và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Maritime Bank và Cổ đông.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Maritime Bank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 67. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát¹¹⁹

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Maritime Bank phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Maritime Bank lưu

¹¹⁸ Điều 47 Luật CTCTD 2010

¹¹⁹ Điều 166 Luật Doanh nghiệp 2014

giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Maritime Bank trong giờ làm việc.

5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Maritime Bank theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG XII

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ¹²⁰

MỤC 1

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 68. Bộ phận kiểm toán nội bộ¹²¹

1. Kiểm toán nội bộ của Maritime Bank được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát, thực hiện kiểm toán nội bộ Maritime Bank.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Maritime Bank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Maritime Bank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc Maritime Bank.

Điều 69. Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ¹²²

1. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật và sự nhìn nhận khách quan;
 - b) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật, về quản trị kinh doanh và các nghiệp vụ ngân hàng;
 - c) Có bằng Đại học các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - d) Có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc làm công tác kiểm toán tối thiểu là 03 năm;
 - e) Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin;
 - f) Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
 - g) Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - h) Các tiêu chuẩn khác do pháp luật và Maritime Bank quy định.
2. Đối với kiểm toán viên công nghệ thông tin, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 Điều này phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin tối thiểu là 03 năm.

¹²⁰ Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của TCTD & Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài.

¹²¹ Điều 41 Luật CTCTD 2010; Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN

¹²² Điều 13 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN

3. Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, e, f, g và điểm h khoản 1 Điều này, Trưởng kiểm toán nội bộ và Phó trưởng kiểm toán nội bộ tối thiểu phải có bằng đại học thuộc các chuyên ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng tối thiểu là 05 năm.

MỤC 2

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 70. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ¹²³

1. Maritime Bank phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ giúp Tổng giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Maritime Bank.
2. Maritime Bank phải thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Maritime Bank. Maritime Bank phải thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ đối với công ty liên kết của Maritime Bank theo quy định của pháp luật.
3. Maritime Bank khi phát hiện những sai phạm, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh phải kịp thời hoạch định và thực hiện biện pháp khắc phục.

Điều 71. Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ¹²⁴

1. Các rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của Maritime Bank phải được nhận dạng, đo lường, đánh giá thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và có biện pháp quản lý rủi ro thích hợp. Khi có sự thay đổi về mục tiêu kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ và hoạt động kinh doanh mới, Maritime Bank phải rà soát, nhận dạng rủi ro liên quan để xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định kiểm soát nội bộ phù hợp.
2. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ là một phần không tách rời các hoạt động hằng ngày của Maritime Bank. Kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ tại tất cả các đơn vị, bộ phận của Maritime Bank dưới nhiều hình thức như:
 - a) Phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch; bảo đảm tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong Maritime Bank;
 - b) Quy định về hạn mức rủi ro cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện giao dịch;
 - c) Quy trình thẩm định, chấp thuận và duyệt cho phép thực hiện giao dịch; bảo đảm một quy trình nghiệp vụ phải có ít nhất 02 cán bộ tham gia, một người thực hiện giao dịch và một người kiểm soát giao dịch, không có cá nhân nào có thể một mình thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch trong hạn mức được Maritime Bank cho phép phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Phân cấp ủy quyền phải được thiết lập, thực hiện hợp lý, cụ thể, rõ ràng, tránh xung đột lợi ích; bảo đảm một cán bộ không đảm nhiệm cùng một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chồng chéo với nhau; đảm bảo mọi cán bộ trong Maritime Bank không có điều kiện để thao túng hoạt động, không minh bạch thông tin phục vụ cho mục đích cá nhân hoặc che giấu hành vi vi phạm quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Maritime Bank.

¹²³ Điều 5 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN

¹²⁴ Điều 4 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN

4. Bảo đảm chấp hành chế độ hạch toán, kế toán theo quy định và phải có hệ thống thông tin nội bộ về tài chính, về hoạt động, về tình hình tuân thủ trong Maritime Bank và tình hình kinh tế, thị trường bên ngoài hợp lý, tin cậy, kịp thời nhằm phục vụ cho công tác quản trị, điều hành hiệu quả.
5. Hệ thống thông tin, công nghệ thông tin của Maritime Bank phải được giám sát, bảo vệ hợp lý, an toàn và phải có cơ chế quản lý dự phòng độc lập nhằm xử lý kịp thời những tình huống bất ngờ, bao gồm cả thiên tai, cháy, nổ, hệ thống bị xâm nhập, đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin của ngành ngân hàng, đảm bảo hoạt động kinh doanh thường xuyên, liên tục của Maritime Bank.
6. Bảo đảm cán bộ, nhân viên của Maritime Bank đều phải hiểu được tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát nội bộ; vai trò của từng cá nhân trong quá trình kiểm soát nội bộ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao và phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các quy định, quy trình kiểm soát nội bộ liên quan.
7. Người điều hành bộ phận, đơn vị nghiệp vụ và cá nhân có liên quan phải thường xuyên xem xét, đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; các tồn tại, bất cập của hệ thống kiểm soát nội bộ phải được báo cáo kịp thời với cấp quản lý trực tiếp; các tồn tại, bất cập lớn có thể gây tổn thất hoặc nguy cơ rủi ro phải được báo cáo ngay cho Tổng Giám đốc Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
8. Cá nhân, bộ phận ở các cấp của Maritime Bank phải thường xuyên, liên tục kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình nội bộ có liên quan và phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện hoạt động nghiệp vụ được giao trước Maritime Bank và trước pháp luật.
9. Lãnh đạo đơn vị, bộ phận của Maritime Bank phải báo cáo về kết quả tự đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình; đề xuất biện pháp xử lý đối với những tồn tại, bất cập (nếu có) gửi lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp theo định kỳ hoặc đột xuất, theo yêu cầu của lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp.

CHƯƠNG XIII

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, BÁO CÁO, THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 72. Chế độ tài chính¹²⁵

Chế độ tài chính của Maritime Bank được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Năm tài chính¹²⁶

Năm tài chính của Maritime Bank bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 74. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Maritime Bank sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Maritime Bank lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Maritime Bank sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Maritime Bank tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Maritime Bank.
3. Maritime Bank sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

¹²⁵ Điều 136 Luật CTCTD 2010

¹²⁶ Điều 137 Luật CTCTD 2010

Điều 75. Báo cáo¹²⁷

1. Maritime Bank phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Maritime Bank chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
2. Maritime Bank có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:
 - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Maritime Bank;
 - b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Maritime Bank.
3. Công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Maritime Bank phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Công khai thông tin¹²⁸

1. Maritime Bank phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.
2. Maritime Bank phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:
 - a) Điều lệ;
 - b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
 - c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
3. Maritime Bank phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi Maritime Bank có trụ sở chính chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.
4. Maritime Bank thực hiện công bố, công khai hóa thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 77. Thông tin¹²⁹

1. Maritime Bank phải cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản tại Maritime Bank theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

¹²⁷ Điều 141 Luật CTCTD 2010

¹²⁸ Điều 171 Luật DN 2014

¹²⁹ Điều 13 Luật CTCTD 2010

2. Maritime Bank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của Maritime Bank.
3. Maritime Bank có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với Maritime Bank theo quy định của NHNN.
4. Maritime Bank có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Điều 101 của Luật Chứng khoán năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung và các quy định khác có liên quan của pháp luật đối với Công ty đại chúng.

Điều 78. Bảo mật thông tin¹³⁰

1. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của Maritime Bank và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của Maritime Bank.
2. Maritime Bank phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại Maritime Bank.
3. Maritime Bank không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch khác của khách hàng tại Maritime Bank cho tổ chức, các nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XIV

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 79. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Maritime Bank danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của (nhóm) Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền hợp lệ của (nhóm) Cổ đông mà người đó đại diện.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Maritime Bank, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Maritime Bank vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Maritime Bank sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ này được công bố trên website của Maritime Bank. Các Cổ đông có quyền được nhận một bản Điều lệ miễn phí do Maritime Bank cấp, nếu có yêu cầu.

CHƯƠNG XV

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 80. Người lao động và công đoàn

¹³⁰ Điều 14 Luật CTCTD 2010

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Maritime Bank với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Maritime Bank và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 81. Trả cổ tức¹³¹

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Maritime Bank. Maritime Bank chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Maritime Bank đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Maritime Bank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Maritime Bank vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Maritime Bank nếu được Đại hội cổ đông cổ đông chấp thuận.
4. Maritime Bank không trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của Cổ đông tại Maritime Bank¹³².
5. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Maritime Bank sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp thẻ có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu.
7. Cổ tức được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Maritime Bank đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Maritime Bank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì Maritime Bank không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
8. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức. Maritime Bank phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức

¹³¹ Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2014;

¹³² Khoản 2 Điều 38 Nghị định 59/2009/NĐ-CP

trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Maritime Bank. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
10. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Maritime Bank; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank.
11. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Maritime Bank.
12. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

Điều 82. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVII

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 83. Kiểm toán độc lập¹³³

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Maritime Bank phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Maritime Bank phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Maritime Bank phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
4. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.¹³⁴

CHƯƠNG XVIII

¹³³ Điều 42 Luật CTCTD 2010

¹³⁴ Khoản 4 Điều 45 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

CON DẤU

Điều 84. Con dấu¹³⁵

1. Maritime Bank có con dấu riêng. Số lượng con dấu tối đa 02 (hai) con dấu.
2. Hình thức con dấu: Hình tròn, màu đỏ.
3. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Maritime Bank và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
4. Con dấu khắc xong phải được thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh. Maritime Bank sử dụng con dấu khi đã được đăng công bố trên cổng thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.¹³⁶
5. Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu của Maritime Bank theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
6. Việc đóng dấu vào các loại văn bản, giấy tờ phải theo đúng quy định của pháp luật.
7. Con dấu phải được để tại trụ sở Maritime Bank và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp cần thiết để giải quyết công việc ở xa trụ sở Maritime Bank thì Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi Maritime Bank.
8. Con dấu đang sử dụng bị mòn, hỏng hoặc có sự chuyển đổi hay đổi tên thì Maritime Bank sẽ tự khắc dấu và thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh.
9. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành quy định quản lý và sử dụng con dấu phù hợp với quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIX

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ THANH LÝ

MỤC 1

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT¹³⁷

Điều 85. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả¹³⁸

Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, Maritime Bank phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 86. Các trường hợp Maritime Bank có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt¹³⁹

1. Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Số lỗ lũy kế của Maritime Bank lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
3. Hai năm liên tục bị xếp hạng yếu kém theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
4. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật

¹³⁶ Chỉ áp dụng trong trường hợp Maritime Bank thay đổi con dấu theo Luật Doanh nghiệp 2014

¹³⁷ Mục 1 Chương VIII Luật CTCTD 2010

¹³⁸ Khoản 2 Điều 145 Luật CTCTD 2017

¹³⁹ Khoản 1 Điều 145 Luật CTCTD 2017

CTCTD trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời hạn 06 tháng liên tục.

Điều 87. Trách nhiệm của Maritime Bank, cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi Maritime Bank trong tình trạng kiểm soát đặc biệt¹⁴⁰

1. Maritime Bank, chủ sở hữu, cổ đông của Maritime Bank được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm:
 - a) Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt;
 - b) Thực hiện đúng phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;
 - c) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 146b của Luật CTCTD;
 - d) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 146a của Luật CTCTD.
2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm:
 - a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này;
 - b) Quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của Maritime Bank, bảo đảm an toàn tài sản của Maritime Bank.

Điều 88. Khoản vay đặc biệt¹⁴¹

1. Maritime Bank được kiểm soát đặc biệt được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây:
 - a) Để hỗ trợ thanh khoản khi Maritime Bank có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian Maritime Bank được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp Maritime Bank đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;
 - b) Để hỗ trợ phục hồi theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của Maritime Bank trong trường hợp sau đây:
 - a) Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;
 - b) Khi giải thể, phá sản Maritime Bank.

Điều 89. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt¹⁴²

Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với Maritime Bank được kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Maritime Bank được kiểm soát đặc biệt khắc phục được tình trạng dẫn đến Maritime Bank được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật CTCTD;
2. Trong quá trình kiểm soát đặc biệt, Maritime Bank được kiểm soát đặc biệt được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể.

¹⁴⁰ Điều 146c Luật CTCTD 2017

¹⁴¹ Điều 146d Luật CTCTD 2017

¹⁴² Điều 145b Luật CTCTD 2017

3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để xử lý theo thủ tục phá sản cho Maritime Bank được kiểm soát đặc biệt.

MỤC 2

PHÁ SẢN, GIẢI THẺ, THANH LÝ¹⁴³

Điều 90. Phá sản ngân hàng

1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà Maritime Bank vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì Maritime Bank phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Việc phá sản Maritime Bank được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 91. Các trường hợp giải thẻ ngân hàng¹⁴⁴

1. Tự nguyện xin giải thẻ nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
2. Hết thời hạn hoạt động nhưng không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 92. Thanh lý tài sản của ngân hàng

1. Trong trường hợp ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý Maritime Bank được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Khi giải thẻ theo quy định tại Điều 91 Điều lệ này, Maritime Bank phải tiến hành thanh lý dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNN quy định.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản do Maritime Bank thanh toán.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 93. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Maritime Bank hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a) Cổ đông với Maritime Bank; hoặc
 - b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của Maritime Bank.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong thời hạn 6 tuần từ khi bắt đầu quá

¹⁴³ Mục 2 Chương VIII Luật CTCTD 2010

¹⁴⁴ Điều 154 Luật CTCTD 2010

trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Trọng tài, Toà án sẽ do Trọng tài, Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 94. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc¹⁴⁵

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Maritime Bank khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông ; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng Quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Maritime Bank để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã sử dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Maritime Bank để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

CHƯƠNG XXI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 95. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Maritime Bank chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Maritime Bank.

Điều 96. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ Khoản 3 Điều 31 Luật CTCTD, Điều lệ này có hiệu lực kể từ được Đại hội đồng Cổ đông thường niên Maritime Bank lần thứ 26 thông qua ngày 30/5/2018.
2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

¹⁴⁵ Điều 161 Luật DN 2014

MỤC LỤC

Điều 1.	Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	2
Điều 2.	Áp dụng dẫn chiếu	5
Điều 3.	Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động.....	5
Điều 4.	Mục tiêu hoạt động	7
Điều 5.	Nội dung hoạt động.....	7
Điều 6.	Góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn	8
Điều 7.	Bảo đảm an toàn trong hoạt động	9
Điều 8.	Vốn điều lệ của Maritime Bank	9
Điều 9.	Thay đổi Vốn điều lệ.....	10
Điều 10.	Vốn hoạt động của Maritime Bank	10
Điều 11.	Sử dụng vốn, tài sản	11
Điều 12.	Bảo đảm an toàn vốn.....	11
Điều 13.	Các loại cổ phần.....	11
Điều 14.	Tỷ lệ sở hữu cổ phần.....	12
Điều 15.	Cổ phiếu	12
Điều 16.	Chào bán cổ phần.....	13
Điều 17.	Chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 18.	Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông	13
Điều 19.	Mua lại cổ phần theo quyết định của Maritime Bank	14
Điều 20.	Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	14
Điều 21.	Phát hành trái phiếu	14
Điều 22.	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	15
Điều 23.	Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông	15
Điều 24.	Quyền của Cổ đông.....	16
Điều 25.	Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông Maritime Bank	18
Điều 26.	Đại hội đồng Cổ đông	19
Điều 27.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.....	20
Điều 28.	Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	21
Điều 29.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 30.	Mời họp Đại hội đồng Cổ đông	23
Điều 31.	Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông	23
Điều 32.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	24
Điều 33.	Thế thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	24
Điều 34.	Thế thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	26
Điều 35.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	27



Điều 36. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	28
Điều 37. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	29
Điều 38. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	29
Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn chung.....	30
Điều 40. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc	30
Điều 41. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương	31
Điều 42. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	32
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm.....	33
Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị 34	
Điều 45. Đương nhiên mất tư cách	34
Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	35
Điều 47. Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp.....	36
Điều 48. Đình chỉ, tạm đình chỉ.....	36
Điều 49. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.	36
Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan.....	37
Điều 51. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành Maritime Bank	37
Điều 52. Tránh xung đột quyền lợi.....	38
Điều 53. Trách nhiệm và bồi thường	39
Điều 54. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị	39
Điều 55. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị.....	40
Điều 56. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	41
Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	42
Điều 58. Hợp Hội đồng Quản trị.....	43
Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	45
Điều 60. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản....	46
Điều 61. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc	47
Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	47
Điều 63. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát.....	48
Điều 64. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	48
Điều 65. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	49
Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	50
Điều 67. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	50
Điều 68. Bộ phận kiểm toán nội bộ	51
Điều 69. Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ.....	51
Điều 70. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ	52

Điều 71. Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ	52
Điều 72. Chế độ tài chính	53
Điều 73. Năm tài chính	53
Điều 74. Hệ thống kế toán	53
Điều 75. Báo cáo.....	54
Điều 76. Công khai thông tin.....	54
Điều 77. Thông tin	54
Điều 78. Bảo mật thông tin.....	55
Điều 79. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	55
Điều 80. Người lao động và công đoàn	55
Điều 81. Trả cổ tức	56
Điều 82. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	57
Điều 83. Kiểm toán độc lập	57
Điều 84. Con dấu	58
Điều 85. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả	58
Điều 86. Các trường hợp Maritime Bank có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt	58
Điều 87. Trách nhiệm của Maritime Bank, cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi Maritime Bank trong tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	59
Điều 88. Khoản vay đặc biệt.....	59
Điều 89. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt	59
Điều 90. Phá sản ngân hàng.....	60
Điều 91. Các trường hợp giải thể ngân hàng	60
Điều 92. Thanh lý tài sản của ngân hàng.....	60
Điều 93. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	60
Điều 94. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	61
Điều 95. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	61
Điều 96. Điều khoản thi hành	61